

BẢNG TỔNG HỢP

Kèm theo Niêm yết Thông báo số: /TB-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND xã Đô Lương về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng Quảng trường trung tâm xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An

STT	Họ và tên chủ sử dụng, chủ quản lý đất	Địa chỉ thường trú	Tờ bản đồ xã Đô Lương mới	Số thửa đất	Loại đất	Diện tích thửa đất (m2)	Diện tích dự kiến thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Địa chỉ thửa đất
1	Lê Thị Hiền	Xóm Yên Sơn 2	3	1019	LUC	683,2	683,2	0,0	Đồng Tram
2	Đậu Duy Hoàn	Xóm Yên Sơn 2	3	1032	LUC	525,4	525,4	0,0	Đồng Tram
3	Đậu Duy Sơn	Xóm Yên Sơn 2	3	1045	LUC	546,5	546,5	0,0	Đồng Tram
4	Hoàng Văn Hữu	Xóm Yên Sơn 2	3	1058	LUC	511,4	511,4	0,0	Đồng Tram
5	Hoàng Văn Hữu	Xóm Yên Sơn 2	4	1364	LUC	480,2	480,2	0,0	Đồng Tram
6	Trần Văn Long	Xóm Yên Sơn 2	3	1069	LUC	532,3	532,3	0,0	Đồng Tram
7	Lê Văn Sáu	Xóm Yên Sơn 1	3	1078	LUC	544,7	544,7	0,0	Đồng Kỹ Thuật
8	Bùi Hữu Lục	Xóm Yên Sơn 2	3	1083	LUC	670,6	670,6	0,0	Đồng Tram
9	Nguyễn Thị Huệ	Xóm Yên Sơn 1	3	1091	LUC	385,8	385,8	0,0	Đồng Kỹ Thuật
10	Trần Thế Lâm	Xóm Yên Sơn 1	3	1106	LUC	755,9	755,9	0,0	Đồng Kỹ Thuật
11	Lê Đình Đại	Xóm Yên Sơn 1	3	1116	LUC	828,6	828,6	0,0	Đồng Kỹ Thuật

12	Bùi Hồng Lâm	Xóm Yên Sơn 1	3	1122	LUC	408,0	408,0	0,0	Đồng Kỹ Thuật
13	Nguyễn Đăng Bảy	Xóm Yên Sơn 1	3	1133	LUC	542,3	542,3	0,0	Đồng Kỹ Thuật
14	Nguyễn Đăng Bình	Xóm Yên Sơn 1	3	1136	LUC	541,1	541,1	0,0	Đồng Kỹ Thuật
15	Hoàng Văn Thành	Xóm Yên Sơn 1	3	1147	LUC	203,3	203,3	0,0	Đồng Kỹ Thuật
16	Tăng Thị Vinh	Xóm Yên Sơn 1	3	1152	LUC	733,6	733,6	0,0	Đồng Kỹ Thuật
17	Nguyễn Xuân Hải	Xóm Yên Sơn 1	3	1159	LUC	617,0	617,0	0,0	Đồng Kỹ Thuật
18	Lê Đình Hảo	Xóm Yên Sơn 1	3	1167	LUC	390,9	390,9	0,0	Đồng Kỹ Thuật
19	Nguyễn Văn Sơn	Xóm Yên Sơn 1	3	1174	LUC	466,7	466,7	0,0	Đồng Kỹ Thuật
20	Nguyễn Thị Lý	Xóm Yên Sơn 1	3	1180	LUC	392,7	392,7	0,0	Đồng Kỹ Thuật
21	Lê Thị Hương	Xóm Yên Sơn 1	3	1182	LUC	463,7	463,7	0,0	Đồng Kỹ Thuật
22	Trần Thị Cầu	Xóm Yên Sơn 1	3	1190	LUC	779,6	779,6	0,0	Đồng Kỹ Thuật
23	Thái Thị Điệp	Xóm Yên Sơn 1	3	1197	LUC	459,5	459,5	0,0	Đồng Kỹ Thuật
24	Thái Thị Hà	Xóm Yên Sơn 1	3	1203	LUC	308,2	308,2	0,0	Đồng Kỹ Thuật
25	Hoàng Châu Ngọc	Xóm Yên Sơn 1	3	1210	LUC	623,8	623,8	0,0	Đồng Kỹ Thuật
26	Lê Văn Minh	Xóm Yên Sơn 1	3	1216	LUC	492,1	492,1	0,0	Đồng Kỹ Thuật
27	Dương Văn Hùng	Xóm Yên Sơn 1	3	1225	LUC	481,3	481,3	0,0	Đồng Cao Sản
28	Thái Ngô Tĩnh	Xóm Yên Sơn 2	3	1227	LUC	589,2	589,2	0,0	Đồng Kỹ Thuật

29	Nguyễn Thị Thủy	Xóm Yên Sơn 1	3	1235	LUC	249,2	249,2	0,0	Đồng Cao Sản
30	Nguyễn Đăng Long	Xóm Yên Sơn 1	3	1240	LUC	319,0	319,0	0,0	Đồng Cao Sản
31	Thái Thị Nghệ	Xóm Yên Sơn 1	3	1242	LUC	738,3	738,3	0,0	Đồng Kỹ Thuật
32	Tăng Văn Châu	Xóm Yên Sơn 1	3	1256	LUC	984,2	984,2	0,0	Đồng Cao Sản
33	Hoàng Sỹ Bình	Xóm Yên Sơn 1	3	1262	LUC	549,7	549,7	0,0	Đồng Cao Sản
34	Nguyễn Thái Anh	Xóm Yên Sơn 1	3	1263	LUC	964,6	964,6	0,0	Đồng Kỹ Thuật
35	Dương Văn Dụng	Xóm Yên Sơn 1	3	1269	LUC	282,7	282,7	0,0	Đồng Cao Sản
36	Trương Công Thắng	Xóm Yên Sơn 1	3	1271	LUC	629,3	629,3	0,0	Đồng Cao Sản
37	Tăng Văn Châu	Xóm Yên Sơn 1	3	1274	LUC	285,2	285,2	0,0	Đồng Cao Sản
38	Trần Thị Minh Đạo	Xóm Yên Sơn 1	3	1285	LUC	677,5	677,5	0,0	Đồng Cao Sản
39	Nguyễn Đăng Hoan	Xóm Yên Sơn 1	3	1286	LUC	767,6	767,6	0,0	Đồng Cao Sản
40	Nguyễn Thị Lâm	Xóm Yên Sơn 1	3	1289	LUC	195,0	195,0	0,0	Đồng Cao Sản
41	Nguyễn Danh Dũng (Đường)	Xóm Yên Sơn 1	3	1296	LUC	446,4	446,4	0,0	Đồng Cao Sản
42	Nguyễn Thị Đào	Xóm Yên Sơn 1	3	1297	LUC	651,0	651,0	0,0	Đồng Cao Sản
43	Nguyễn Cảnh Hà	Xóm Yên Sơn 1	3	1306	LUC	694,2	694,2	0,0	Đồng Cao Sản
44	Nguyễn Thị Đức	Xóm Yên Sơn 1	3	1307	LUC	287,3	287,3	0,0	Đồng Cao Sản
45	Tăng Văn Thành	Xóm Yên Sơn 1	3	1315	LUC	629,3	629,3	0,0	Đồng Cao Sản

46	Nguyễn Sỹ Tuấn	Xóm Yên Sơn 1	3	1318	LUC	171,6	171,6	0,0	Đồng Cao Sản
47	Tăng Thị Sáu	Xóm Yên Sơn 1	3	1321	LUC	316,9	316,9	0,0	Đồng Cao Sản
48	Hoàng Văn Hải	Xóm Yên Sơn 1	3	1324	LUC	299,3	299,3	0,0	Đồng Cao Sản
49	Nguyễn Thị Vân	Xóm Yên Sơn 1	3	1337	LUC	258,5	258,5	0,0	Đồng Cao Sản
50	Nguyễn Văn Được	Xóm Yên Sơn 2	4	1303	LUC	455,7	287,1	168,6	Đồng Tram
51	Nguyễn Viết Tám	Xóm Yên Sơn 2	4	1316	LUC	684,4	476,2	208,2	Đồng Tram
52	Thái Ngô Bảy	Xóm Yên Sơn 2	4	1326	LUC	940,9	940,9	0,0	Đồng Tram
53	Nguyễn Thị Hồng	Xóm Yên Sơn 2	4	1333	LUC	1 133,1	883,3	249,8	Đồng Tram
54	Nguyễn Đăng Ba	Xóm Yên Sơn 2	4	1344	LUC	1 271,2	1.271,2	0,0	Đồng Tram
55	Nguyễn Thái Tình	Xóm Yên Sơn 1	4	1346	LUC	435,9	435,9	0,0	Đồng Tram
56	Nguyễn Danh Tứ	Xóm Yên Sơn 2	4	1349	LUC	1 065,9	2,6	1.063,3	Đồng Tram
57	Nguyễn Thị Thìn	Xóm Yên Sơn 2	4	1355	LUC	421,8	421,8	0,0	Đồng Tram
58	Nguyễn Văn Ngõ	Xóm Yên Sơn 2	4	1362	LUC	722,7	722,7	0,0	Đồng Tram
59	Nguyễn Văn Ngõ	Xóm Yên Sơn 2	4	1368	LUC	262,4	6,0	256,4	Đồng Tram
60	Nguyễn Thị Phương	Xóm Yên Sơn 2	4	1370	LUC	886,6	886,6	0,0	Đồng Tram
61	Bùi Đăng Linh	Xóm Yên Sơn 2	4	1374	LUC	556,3	556,3	0,0	Đồng Tram
62	Nguyễn Quốc Ngo	Xóm Yên Sơn 2	4	1378	LUC	676,8	676,8	0,0	Đồng Tram

63	Bùi Đăng Bình	Xóm Yên Sơn 2	4	1384	LUC	450,1	450,1	0,0	Đồng Trám
64	Nguyễn Thị Hương	Xóm Yên Sơn 2	4	1386	LUC	488,4	488,4	0,0	Đồng Trám
65	Lê Thị Châu	Xóm Yên Sơn 2	4	1393	LUC	540,3	540,3	0,0	Đồng Trám
66	Đậu Thị Hoá	Xóm Yên Sơn 2	4	1398	LUC	1 077,0	1.077,0	0,0	Đồng Trám
67	Bùi Hữu Thắng	Xóm Yên Sơn 2	4	1401	LUC	515,9	515,9	0,0	Đồng Trám
68	Nguyễn Sỹ Tam	Xóm Yên Sơn 1	4	1403	LUC	427,7	427,7	0,0	Đồng Kỹ Thuật
69	Thái Thị Thân	Xóm Yên Sơn 1	4	1409	LUC	529,6	529,6	0,0	Đồng Kỹ Thuật
70	Nguyễn Hữu Thủy	Xóm Yên Sơn 2	4	1410	LUC	769,6	769,6	0,0	Đồng Trám
71	Nguyễn Danh Dũng (Thu)	Xóm Yên Sơn 2	4	1413	LUC	214,8	214,8	0,0	Đồng Trám
72	Lê Xuân Ngọ	Xóm Yên Sơn 2	4	1418	LUC	809,5	809,5	0,0	Đồng Kỹ Thuật
73	Nguyễn Văn Đức	Xóm Yên Sơn 2	4	1420	LUC	636,1	636,1	0,0	Đồng Trám
74	Đậu Duy Mậu	Xóm Yên Sơn 2	4	1428	LUC	544,2	544,2	0,0	Đồng Trám
75	Lê Văn Mỹ	Xóm Yên Sơn 1	4	1430	LUC	386,4	386,4	0,0	Đồng Kỹ Thuật
76	Vi Tiến Hiền	Xóm Yên Sơn 1	4	1432	LUC	734,4	734,4	0,0	Đồng Kỹ Thuật
77	Lê Thị Dao	Xóm Yên Sơn 2	4	1436	LUC	365,3	365,3	0,0	Đồng Trám
78	Nguyễn Thái Tam	Xóm Yên Sơn 1	4	1440	LUC	692,6	692,6	0,0	Đồng Kỹ Thuật
79	Lê Đình Ngọ	Xóm Yên Sơn 1	4	1449	LUC	1 061,9	1.061,9	0,0	Đồng Kỹ Thuật

80	Phan Đình Trí	Xóm Yên Sơn 1	4	1452	LUC	452,2	452,2	0,0	Đồng Kỹ Thuật
81	Phan Đình Sinh	Xóm Yên Sơn 2	4	1456	LUC	522,7	522,7	0,0	Đồng Kỹ Thuật
82	Nguyễn Văn Hòa	Xóm Yên Sơn 1	4	1465	LUC	809,6	809,6	0,0	Đồng Kỹ Thuật
83	Tăng Văn Tuất	Xóm Yên Sơn 1	4	1468	LUC	623,0	623,0	0,0	Đồng Kỹ Thuật
84	Tăng Thị Nam	Xóm Yên Sơn 1	4	1469	LUC	851,2	851,2	0,0	Đồng Kỹ Thuật
85	Phan Đình Lộc	Xóm Yên Sơn 2	4	1477	LUC	925,1	925,1	0,0	Đồng Kỹ Thuật
86	Nguyễn Thị Sửu	Xóm Yên Sơn 1	4	1479	LUC	553,5	553,5	0,0	Đồng Kỹ Thuật
87	Phan Đình Vân	Xóm Yên Sơn 1	4	1488	LUC	215,3	215,3	0,0	Đồng Kỹ Thuật
88	Nguyễn Thị Quang	Xóm Yên Sơn 1	4	1489	LUC	618,0	618,0	0,0	Đồng Kỹ Thuật
89	Cao Hoài Đức	Xóm Yên Sơn 1	4	1490	LUC	315,2	315,2	0,0	Đồng Cao Sản
90	Nguyễn Trọng Bằng	Xóm Yên Sơn 1	4	1494	LUC	178,1	178,1	0,0	Đồng Cao Sản
91	Nguyễn Trọng Quang	Xóm Yên Sơn 1	4	1499	LUC	571,2	571,2	0,0	Đồng Cao Sản
92	Nguyễn Sỹ Thủy	Xóm Yên Sơn 1	4	1501	LUC	705,3	705,3	0,0	Đồng Kỹ Thuật
93	Tăng Mạnh Tân	Xóm Yên Sơn 1	4	1507	LUC	327,5	327,5	0,0	Đồng Cao Sản
94	Hoàng Sỹ Sinh	Xóm Yên Sơn 1	4	1512	LUC	369,4	369,4	0,0	Đồng Cao Sản
95	Hoàng Thị Trần	Xóm Yên Sơn 1	4	1513	LUC	276,5	276,5	0,0	Đồng Kỹ Thuật
96	Nguyễn Kim Sơn	Xóm Yên Sơn 1	4	1521	LUC	902,5	902,5	0,0	Đồng Cao Sản

97	Bùi Thị Hào	Xóm Yên Sơn 1	4	1523	LUC	397,0	397,0	0,0	Đồng Cao Sản
98	Tăng Văn Hồng	Xóm Yên Sơn 1	4	1530	LUC	420,7	420,7	0,0	Đồng Cao Sản
99	Nguyễn Văn Bình	Xóm Yên Sơn 1	4	1534	LUC	453,1	453,1	0,0	Đồng Cao Sản
100	Nguyễn Văn Ngọc	Xóm Yên Sơn 1	4	1540	LUC	461,0	461,0	0,0	Đồng Cao Sản
101	Nguyễn Văn Thống	Xóm Yên Sơn 1	4	1543	LUC	511,2	511,2	0,0	Đồng Cao Sản
102	Nguyễn Văn Hòa (Hà)	Xóm Yên Sơn 1	4	1549	LUC	286,8	286,8	0,0	Đồng Cao Sản
103	Hoàng Quốc Thân	Xóm Yên Sơn 1	4	1553	LUC	457,4	457,4	0,0	Đồng Cao Sản
104	Nguyễn Cảnh Quý	Xóm Yên Sơn 1	4	1554	LUC	304,7	304,7	0,0	Đồng Cao Sản
105	Hoàng Văn Vị	Xóm Yên Sơn 1	4	1560	LUC	307,7	307,7	0,0	Đồng Cao Sản
106	Bùi Hữu Minh	Xóm Yên Sơn 1	4	1564	LUC	667,3	667,3	0,0	Đồng Cao Sản
107	Tăng Văn Thìn	Xóm Yên Sơn 1	4	1577	LUC	285,4	285,4	0,0	Đồng Cao Sản
108	Tăng Văn Thủy	Xóm Yên Sơn 1	4	1582	LUC	721,8	721,8	0,0	Đồng Cao Sản
109	Nguyễn Danh Cúc	Xóm Yên Sơn 2	4	2156	LUC	465,0	465,0	0,0	Đồng Trám
110	Nguyễn Danh Hồng	Xóm Yên Sơn 1	14	1227	LUC	475,8	209,1	266,7	Đồng Trám
111	Bùi Quang Điệp	Xóm Yên Sơn 2	14	1239	LUC	632,3	321,4	310,9	Đồng Trám
112	Đậu Thị Thìn	Xóm Yên Sơn 2	14	1259	LUC	857,4	857,4	0,0	Đồng Trám
113	Trương Đình Linh	Xóm Yên Sơn 2	15	774	LUC	727,3	415,6	311,7	Đồng Trám

114	UBND xã	Xóm Yên Sơn 2	4	1388	CGT	150,3	150,3	0,0	Đồng Trám
115	UBND xã	Xóm Yên Sơn 1	4	1541	CGT	144,7	144,7		Đồng Cao Sản
116	UBND xã	Xóm Yên Sơn 1	4	1565	CGT	62,8	62,8		Đồng Cao Sản
117	UBND Xã		3	1000	DGT	39,4	39,4	0,0	
118	UBND Xã		3	1031	DGT	49,4	49,4	0,0	
119	UBND Xã		3	1054	DTL	78,9	78,9	0,0	
120	UBND Xã		3	1249	CGT	103,6	103,6	0,0	
121	UBND Xã		3	1347	CGT	122,8	122,8	0,0	
122	UBND Xã		3	1553	DGT	68 815,2	2.411,4	66.403,8	
123	UBND Xã		3	1890	CGT	566,3	566,3	0,0	
124	UBND Xã		4	1400	DTL	101,0	101,0	0,0	
125	UBND Xã		4	1459	DTL	114,0	114,0	0,0	
126	UBND Xã		4	1460	DTL	65,2	65,2	0,0	
127	UBND Xã		4	1504	DTL	54,9	54,9	0,0	
128	UBND Xã		4	1559	DTL	68,2	68,2	0,0	
129	UBND Xã		4	1595	CGT	138,6	138,6	0,0	
130	UBND Xã		4	1612	CGT	107,0	107,0	0,0	

131	UBND Xã		4	1642	DTL	5,0	5,0	0,0	
132	UBND Xã		4	1683	DGT	97 378,5	4.628,6	92.749,9	
133	UBND Xã		14	1197	DGT	179,2	179,2	0,0	
Tổng						231 105,1	69 115,8	161 989,3	